

KHÔNG GIAN NGHỆ THUẬT TRONG TRUYỆN NGẮN NGƯỜI SÓT LẠI CỦA RỪNG CƯỜI (VÕ THỊ HẢO)

PHÚ THÙY HƯƠNG *

Tóm tắt: *Người sót lại của Rừng Cười* (Võ Thị Hảo) là một trong số những truyện ngắn tiêu biểu của văn học sau 1975. Tác phẩm gây ngạc nhiên cho người đọc ngay từ khi xuất hiện bởi cách tạo dựng không gian nghệ thuật chân thực, nhức nhối để lột tả sự tàn khốc của cuộc chiến tranh đã qua. Bài viết bước đầu khảo sát và lý giải những ẩn dụ nghệ thuật trong những biểu tượng không gian, từ đó nhận diện tinh thần nhân bản mới mẻ của tác phẩm trong văn học hậu chiến.

Từ khóa: Võ Thị Hảo, *Người sót lại của Rừng Cười*, chiến tranh, không gian nghệ thuật.

Abstract: *Survivor of the Laughing Forest* composed by Vo Thi Hao is one of typical short stories of literature after 1975. The work has surprised readers since its appearance by creating a realistic and painful art space to depict the brutality of the past war. The article surveys and explains the artistic metaphors in the spatial symbols, thereby identifying new human spirit of the work in post-war literature.

Keywords: Vo Thi Hao, *Survivor of the Laughing Forest*, war, art space.

1. Mở đầu

Chiến tranh đã qua đi nhưng những ký ức đau thương về nó vẫn luôn day dứt, ám ảnh. Boris Vasilyev từng nói: “Những cuộc chiến tranh có bắt đầu nhưng chẳng có kết thúc. Nó dai dẳng trên nước mắt những

người vợ góa, người mẹ, nỗi buồn của trẻ mồ côi, tiếng rên rỉ của người lính bị thương. Những vết thương trên mặt đất biến dần, bãi chiến trường xưa thay bằng những luống cày mới, nhưng rất lâu, rất lâu trong mẩu bánh vẫn lưu lại mùi vị chua của bụi đất, thương đau”. Truyện ngắn *Người sót lại của Rừng Cười* (Võ Thị Hảo) là một tác phẩm của phụ nữ viết về người phụ nữ trong chiến tranh. Bằng điểm nhìn của văn học hậu chiến, tác giả đã mô tả bi kịch của những người phụ nữ đầy đau đớn, chân thực đến mức trần trụi trước sự tàn phá, hủy diệt của cuộc chiến. Thậm chí, khi bước ra khỏi khói bom, loạn lạc, họ vẫn luôn chơi vơi, vô định, không thể hòa nhập với đời sống mới vì luôn ám ảnh không gian chiến tranh đặc quánh nơi “Rừng Cười”. Việc tạo lập một không gian nghệ thuật đặc sắc co giãn ở nhiều chiều khác nhau từ hiện thực đến tâm linh là cách để nhà văn xây dựng một cốt truyện quen thuộc nhưng có được điểm nhìn rất mới, nhân bản về chiến tranh dưới góc độ chiêm nghiệm của người phụ nữ.

2. Nội dung

2.1. Sau 1975, quan niệm về chiến tranh của các nhà văn đã có sự đổi khác. Vẫn coi

* ThS - Khoa Khoa học xã hội, Trường Đại học Tây Bắc; Email: huongpt@utb.edu.vn

trọng mục đích phản ánh những chiến thắng vĩ đại, sự chính nghĩa trong cuộc chiến của dân tộc nhưng họ quan tâm nhiều hơn vào yêu cầu “chân thực”, “nhận thức lại” những vấn đề trước kia được lý tưởng hóa. Văn chương giờ đây không chỉ nói đến thắng lợi mà còn nói đến tổn thất, hy sinh; không chỉ nói đến niềm vui mà còn nói đến nỗi đau khổ do quân thù gây nên. Từ góc nhìn mới mẻ, khách quan, tinh táo và nghiêm ngặt ấy, các nhà văn đã đem vào trang viết của mình những trải nghiệm cá nhân chân thực, sâu sắc nhất. Từ chủ nghĩa anh hùng cách mạng đến chủ nghĩa nhân văn chính là bước đột phá lớn nhất trong tư duy nghệ thuật thời kỳ này. Đặc biệt, chiến tranh không chỉ được soi tỏ bằng góc nhìn của những nhà văn nam mà còn xuất hiện trong những trang viết của nhà văn nữ. Đã có một “chiến tranh mang khuôn mặt nữ giới” trong những sáng tác của Lê Minh Khuê, Dạ Ngân, Võ Thị Hảo, Y Ban, Võ Thị Xuân Hà, Trần Thanh Hà, Trần Thuỳ Mai, Lý Lan,... Sự tiếp nối với nhiều gương mặt và sắc thái đã cho thấy những góc nhìn khác nhau về chiến tranh trong sáng tác của các cây bút nữ. Tác phẩm của các nhà văn nữ viết về chiến tranh tất nhiên sẽ có những đặc điểm khác với tác phẩm của các nhà văn nam: ít tiếng súng đùng đoàng hơn, ít đi vào những vấn đề có tính trọng đại, to tát. Các chị thường chú trọng khai thác “giới tính” của mình, đi vào khai thác những mảnh đời thầm lặng, những số phận cá biệt, những đau thương mất mát người phụ nữ phải gánh chịu trong chiến tranh. Cảm quan tinh tế, bén nhạy của người phụ nữ giúp họ viết “thật” về giới mình hơn. Trong dòng mạch ấy, Võ Thị Hảo là cây bút nữ gây được ấn tượng mạnh với truyện ngắn *Người sót lại của Rừng Cười*. Tác phẩm là minh chứng cho quan niệm văn chương mà chị từng khẳng định “Thiên chức nhà văn là tôn trọng tự nhiên. Tự nhiên nghĩa

là sự thật. Như những con sóng biển và gió vẫn đêm ngày còn cao đến với đất liền. Khi nhà văn mà chối bỏ sự thực, viết dối trá và đứng ngoài những nỗi đau, khát vọng cũng như khát vọng thực sự của con người thì khi ấy, nhà văn đó trở nên nguy hiểm với đồng loại”. Là người “vác thập giá chữ” trên vai, chị nhìn về chiến tranh bằng góc quan sát của một nhà văn đầy tính nhân bản và “thiên tính nữ” khi bàn đến nỗi cô đơn, khao khát tình yêu và khía cạnh đời sống bản năng của những cô gái ở “Rừng Cười”. Chỉ trong không khí đổi mới mạnh mẽ của văn học hậu chiến, khía cạnh này mới được nhiều cây viết chú ý khai thác, trong đó có Võ Thị Hảo.

2.2. Mỗi sự vật hiện tượng trong thế giới khách quan đều là sự thống nhất giữa nội dung và hình thức. Đối với tác phẩm văn học - một chỉnh thể thẩm mỹ thì sự thống nhất ấy phải đạt đến trình độ nghệ thuật, được quy định bởi ý thức sáng tạo của nhà văn. Suy cho cùng, “nội dung chẳng phải cái gì khác, mà là hình thức chuyển hóa ra thành nội dung và hình thức chẳng phải là cái gì khác, mà là nội dung chuyển hóa thành hình thức”. Chính vì vậy, để thấy rõ tư tưởng dám nhìn thẳng vào “mặt trái của vàng trắng chiến tranh” cũng như khát vọng sống đầy tính nhân bản của người phụ nữ trong truyện ngắn *Người sót lại của Rừng Cười*, người đọc buộc phải khám phá thông qua cấu trúc nghệ thuật bao gồm nhiều yếu tố như cốt truyện, nhân vật, nghệ thuật trần thuật, không gian, thời gian,... Trong đó, không gian nghệ thuật là hình thức tồn tại của tác phẩm, chứa đựng những quan niệm về thế giới, là phương thức chiếm lĩnh thế giới của nhà văn. Không gian nghệ thuật không đồng nhất với không gian hiện thực. Đó là mô hình nghệ thuật về thế giới mà con người đang sống, cảm thấy vị trí, số phận của mình trong không gian ấy; là không quyền tinh thần bao bọc cảm hứng của con người,

là hiện tượng tâm linh nội cảm chứ không phải là hiện tượng vật lý. Ở tác phẩm, không gian nghệ thuật dù là bối cảnh tự nhiên nhưng cũng là ý đồ sáng tạo của người nghệ sĩ. Không gian nghệ thuật luôn chứa đựng trong lòng nó những cảnh huống con người và xã hội nhằm thể hiện một quan niệm nhất định về cuộc sống. *Từ điển Thuật ngữ Văn học* định nghĩa: “Không gian nghệ thuật là hình thức bên trong của hình tượng nghệ thuật thể hiện tính chỉnh thể của nó. Sự miêu tả, trần thuật trong nghệ thuật bao giờ cũng xuất phát từ điểm nhìn, diễn ra trong một trường nhìn nhất định... Không gian nghệ thuật gắn với cảm thụ về không gian, mang tính chủ quan... chẳng những cho thấy cấu trúc nội tại của tác phẩm văn học mà còn cho thấy quan niệm về thế giới, chiều sâu cảm thụ của tác giả hay của một giai đoạn văn học” [1]. Không có hình tượng nghệ thuật nào lại không có không gian nghệ thuật và không có nhân vật nào lại không tồn tại trong một nền cảnh nhất định nào đó. Ngay bản thân người kể chuyện cũng nhìn nhận sự việc trong một khoảng cách, một góc nhìn nhất định.

Không gian nghệ thuật luôn luôn có những hình thức biểu hiện phong phú và đa dạng, phù hợp với nội dung hiện thực rộng lớn mà tác phẩm đề cập tới. Các phạm trù cao - thấp, xa - gần, rộng - hẹp, cong - thẳng, bên này - bên kia, vững chắc - bấp bênh,... được dùng nhiều trong không gian nghệ thuật nhằm biểu hiện các phạm vi giá trị, phẩm chất của đời sống xã hội. Có không gian rộng và không gian hẹp, không gian vật thể và không gian tâm tưởng, không gian tầm thấp và không gian tầm cao. Ở truyện ngắn *Người sót lại của Rừng Cười*, biểu tượng “Rừng Cười” ám ảnh con người ở cả trong và sau khi bước ra khỏi cuộc chiến, trở thành không gian sống hiện thực, cũng là không gian của tâm lý, tâm

linh, giấc mơ. Không gian ấy khi giãn nở, mở rộng, khi co vào đặc quánh trong nỗi cô đơn của con người.

2.3. Mạch tự sự trong *Người sót lại của Rừng Cười* xoay quanh số phận của năm cô gái thanh niên xung phong làm nhiệm vụ trông coi một khu quân nhu giữa rừng Trường Sơn. Chiến tranh đã hủy hoại sắc đẹp, tuổi trẻ, ước mơ, khát vọng của họ. Những người phụ nữ trở nên hoang dại, thậm chí mắc căn bệnh “Esteris” (thứ bệnh tâm lý vì thiếu vắng đàn ông). Nhân vật chính là Thảo, cô gái trẻ nhất và cũng là *Người sót lại của Rừng Cười* mang trong mình những ám ảnh về một xã hội Việt Nam “tan chiến” nhưng chưa “tàn chiến”. Dù mang danh là người chiến thắng, nhưng với Thảo, ngày trở về chính là ngày đón nhận thất bại cay đắng nhất và là sự khởi đầu cho những chuỗi bi kịch của cuộc đời. Số phận người phụ nữ trong chiến tranh và hậu chiến được Võ Thị Hảo lột tả đến ám ảnh, xót xa, trần trụi thông qua nhiều không gian sống mang ý nghĩa biểu tượng sâu sắc.

2.3.1. Không gian “Rừng Cười” - hiện thực tàn khốc của chiến tranh

Rừng - một biến thể nằm trong hệ cô mẫu Đất xuất hiện như một ám ảnh trong văn xuôi Võ Thị Hảo. Cái tên “Rừng Cười” dễ làm cho người ta nghĩ đến niềm vui, sự lạc quan hay hạnh phúc; nhưng không, đó là khu rừng đau thương, để lại cho con người những vết tích của chiến tranh cả về thể chất lẫn tinh thần. Không gian bao trùm tác phẩm là một khu rừng trên tuyến đường Trường Sơn - nơi ẩn náu của năm cô thanh niên xung phong trông coi một khu quân nhu; cũng là nơi sự sống bị hủy hoại ám ảnh, xót xa. Rừng làm cho “Bốn cô gái trẻ măng nhưng mái tóc chỉ còn là một đùm xơ xác. Dòng nước khe màu xanh đen thớ lợ đã dần dà vật trụi tóc của họ” [2]. Trong số ấy, chỉ duy nhất Thảo - cô gái trẻ

mới về còn giữ được vẻ đẹp đầy sức sống với “mái tóc óng mượt dài chấm gót” [2]. Mái tóc ấy được những người còn lại trong rừng “nâng niu như báu vật”, họ nhất trí rằng sẽ không để rừng cướp đi. Có lẽ, vẻ đẹp của Thảo được những cô gái nhìn nhận như sự phóng chiếu phần nữ tính mà chiến tranh đã lấy mất đi ở họ, nên họ cố gắng giữ gìn. Thế nhưng rừng mạnh hơn. Sự tàn phá của rừng - hay của chiến tranh đã làm khô cạn sự sống. Thời gian ở rừng của Thảo không dài, tính từ ngày nhập ngũ đến khi giải phóng khoảng chừng ba năm. Cô lại không ra mặt trận, không trực tiếp chiến đấu, chỉ làm nhiệm vụ của một người canh giữ kho quân nhu. Thế nhưng khi đã dấn thân vào cuộc chiến khốc liệt này, cô cũng không tránh khỏi sự tàn phá ghê gớm của nó. Và “Chỉ sau hai tháng, bắt chấp đủ mọi lá thom mà đồng đội đã mang về cho gọi, mái tóc Thảo chỉ còn một túm sợi mỏng mảnh xơ xác” [2]. Dấu hiệu của sự hủy diệt đã hiện rõ trên cơ thể người con gái để rồi ngay cả khi đã bước ra khỏi cuộc chiến, Thảo vẫn luôn mang trong mình mặc cảm, tự ti vì đã đánh mất đi sắc đẹp và tuổi xuân. Trở về làm sinh viên Văn khoa, Thảo không thể hòa nhập, cô thấy ngay cả hình hài của mình cũng lạc lõng với những cô gái khác trong phòng. Tuy vẫn giữ được những nét đẹp bẩm sinh, nhưng “Đôi mắt cô như mắt của người đang đi trong một giấc mộng dài. Làn da tái xanh vì những cơn sốt rét rừng. Khuôn mặt chỉ sinh động lên mỗi khi cô cười, mà những nụ cười thường hiếm hoi”. Thảo thấy thương cho mình khi xuất hiện trước người yêu với “thân hình gầy gò trong bộ quân phục lạc lõng, qua làn môi nhợt nhạt, mái tóc xơ xác” [2]. Trước cái nhìn ngỡ ngàng của Thành và câu chào thốt lên lạc lõng “Ô! Em” sau mấy năm xa cách, Thảo chỉ thấy như có một cơn sóng lạnh buốt tràn qua ngực và đôi mắt đọng đầy những tủi hờn. Rừng đã lấy đi vẻ đẹp, sức sống thanh

xuân của biết bao cô gái, trong đó có Thảo. Rừng trong cái nhìn của Võ Thị Hảo, đã mang ý nghĩa đa chiều. Rừng không chỉ bảo vệ, che chắn cho con người trước bom đạn khốc liệt của chiến tranh mà còn là biểu tượng của sự tàn phá, hủy hoại cả thể chất lẫn tâm hồn; phá vỡ vẻ đẹp nữ tính vốn có của người phụ nữ. Sống lâu trong rừng, các cô gái, đặc biệt là Thảo bị rừng lấy đi vẻ đẹp gợi cảm, căng tràn sức sống. Thảo dần nhìn những đồng đội nữ của mình bằng cái nhìn ít nhiều nam hóa: Thảo thường ngắm trộm ngực của chị Thắm, thầm khát có bộ ngực mà cô nghĩ đẹp không kém thân Vệ nữ; Thảo nhìn đồng đội của mình xấu hổ chạy trốn khi bị những người lính phát hiện trong trạng thái trần truồng mà “buồn tủi, tiếc cho lòng trinh bạch của người con gái” [2]. Là người sót lại của “Rừng Cười”, chính Thảo cũng nhận ra mình “trở nên cứng nhắc và hiều chiến sau mấy năm ở chiến trường”, ngoại hình xác xơ, nhợt nhạt khác hẳn với những cô gái Khoa Văn với “đôi môi mọng mọng như nũng nịu”, “làn da trắng hồng, tươi mát, trẻ trung” [2]. Phần tính nữ đã mất của mình được Thảo nhìn thấy rõ ràng trong hình ảnh cô gái người yêu mới của Thành khiến cô càng trở nên tự ti, mặc cảm. Bởi vậy, “Rừng Cười” không chỉ là không gian sống mà còn là biểu tượng hủy hoại của chiến tranh lên số phận con người, đặc biệt những người phụ nữ.

Cuộc sống của Thảo và bốn cô gái trong khu quân nhu là những năm tháng sống im lìm trong vòng tay ma quái của rừng sâu. Họ đã ở đây qua ba mùa mưa rầu rĩ và đang ở giữa mùa khô thứ ba bỗng rất trong nổi cô đơn đặc quánh. Một “nổi cô đơn mà chỉ những ai đã từng đi qua chiến tranh mới thấu được cảm giác đang cựa quậy giữa chốn giáp ranh, giữa địa ngục và trần gian mới hiểu nổi” [9]. Nổi cô đơn đeo bám họ như một bóng ma. Ở trong rừng, họ dường như bị cô lập hoàn toàn với thế giới bên

ngoài. Thịnh thoảng cũng có vài người đàn ông đến “chăng vào lòng những cô gái bé nhỏ chút hi vọng mơ màng vương vấn như tơ nhện rồi thoát biến, cho các cô gái càng thấm thía nỗi cô đơn” [9]. Để có thể vượt qua những năm tháng ấy, các cô gái sống bằng một niềm tin, niềm si mê người yêu của Thảo, nhưng không phải cho họ, mà cho Thảo. Cái sự si mê hộ người khác ấy “không thể hi vọng cất nghĩa nổi trong thời bình, dưới ánh đèn màu huy hoàng” mà chỉ có thể lý giải bằng trải nghiệm của những con người đã đi qua chiến tranh đứng giữa ranh giới mong manh của vòng sinh tử. Họ tròn xoe mắt nghe Thảo kể về Thành - chàng sinh viên Văn khoa Hà Nội. Nhờ được khúc xạ qua bao lớp bụi và khói, cuối cùng đến lớp sương mờ lung linh huyền ảo của ký ức nên chàng trai ấy trong mắt của các cô gái là một chàng hoàng tử hào hiệp thủy chung. Họ cùng hi vọng cho Thảo; và hi vọng ấy đã trở thành điểm tựa để họ vượt qua nỗi cô đơn đặc quánh trong rừng. Riêng với Thảo, tình yêu với Thành là một trong những đốm lửa sáng nhất giục giã cô nhào ra khỏi cuộc sống hoang dã. Nhưng rừng mạnh hơn ý chí của các cô gái “Năm cô gái sống trong lo âu mà rừng thì cứ làm lì trái đầy thắm lá rụng, ánh đỏ của thắm lá hắt lên cả bầu trời ánh ỏi, khiến cho đêm của họ cũng mang màu đỏ”. Cái màu đỏ loang cả vào trong giấc mơ ấy của rừng như đang báo hiệu sự hủy diệt và cái chết. Nhưng ngay cả khi sống, họ cũng phải sống giữa sự hủy diệt của cô đơn, sợ hãi, lo lắng, tủi hổ vì mang trong mình căn bệnh của “Rừng Cười”. Rừng làm cho các cô gái trở nên hoang dại mất cả lý trí. Khi phát bệnh, họ khóc cười man dại, dứt tóc và xé quần áo, lơ lửng trước mặt những người đàn ông xa lạ; còn cô trẻ hơn thì chạy tới chạy lui ôm đầu tuyệt vọng. Chỉ duy nhất còn Thảo chưa mắc bệnh cười. Đến khi tỉnh ra, họ đau đớn “khóc không ra tiếng”. Họ thương cho tấm thân con

gái, tiếc cho lòng trinh bạch và tủi hổ biết bao cho số kiếp của mình. Cái tên “Rừng Cười” nổi danh như một nỗi ám ảnh không dứt cho bi kịch của những người phụ nữ cô đơn, sống trong cảnh thiếu vắng đàn ông. Sự tàn nhẫn của chiến tranh thường được Võ Thị Hảo khắc họa qua hình tượng nụ cười “méo mó, man dại”. Đánh mất cái cười tự nhiên, con người như đã đánh mất chính bản thân mình. Hiên - người lính trẻ sau khi chứng kiến khung cảnh ấy của các cô gái đã ghi lại trong nhật ký của mình “Việc chiến tranh lôi những người phụ nữ vào chiến cuộc thật khủng khiếp”. Anh sợ hãi, xót xa nghĩ rằng “Sau chín năm ở chiến trường, nay tôi đã nhìn thấy ở Rừng Cười, cái cười méo mó man dại của chiến tranh... Tôi sẵn sàng chết hai lần cho họ khỏi lâm vào cảnh ấy... Tôi rùng mình khi nghĩ rằng, người yêu tôi, em gái tôi, cũng đang cười sằng sặc như thế, giữa một khu rừng mênh mang nào đó...”. Và không chỉ chứng kiến sự sống đau đớn, hoang dại, “Rừng Cười” cũng là nơi chứng kiến cái chết bi thương của bốn cô gái. Chỉ còn Thảo là *Người sót lại của Rừng Cười*. Họ đã chết nhưng không phải là cái chết anh hùng, lý tưởng như văn học trước 1975 thường miêu tả. Chuyện thần thoại của chiến trường đã không xảy ra, khi không chống chọi nổi trước sự tấn công của giặc, bốn cô gái đã dành những viên đạn cuối cùng cho mình để tránh ô nhục. Những cô gái đã nằm lặng lẽ dưới nắm mồ chung do bàn tay yếu ớt của Thảo cố sức đắp sau cơn sốt. Họ chết thâm lặng và đau đớn trong những tư thế rất khác nhau. Ám ảnh nhất là hình ảnh Thắm bị một lưỡi lê đâm nát một bên ngực. Nỗi đau ấy vẫn trở đi trở lại trong những giấc mơ của Thảo sau này. Bốn thi thể được vắn xuống chôn chung một huyệt và chỉ được rải một thắm lá thật dày rồi lấp đất. Cuối cùng, vẫn là rừng chứng kiến sự sống cũng như sự hi sinh bi thảm của những cô gái.

Trong không gian “Rừng Cười”, không có hào quang hay chiến thắng, chỉ có rừng với người vượn lửa thể, vừa cười vừa khóc. Ở đây chỉ có những nụ cười sảng sắc đặc quánh của “những người đàn bà bị buộc phải trở thành đàn ông”. “Rừng Cười” có lúc hẹp quá, ngột ngạt quá trong màu đỏ loang của ánh chiều, làm lì trái đầy thâm lá rụng; trong những đêm thăm đẫm nỗi cô đơn đặc quánh; nhưng có lúc mệnh mang vắng lạnh khi Thảo chứng kiến sự hy sinh của đồng đội “Thắm và các đồng đội của em! Cứ yên nghỉ ở Rừng Cười” [2]. Có khi, đó là thế giới chập chờn giữa thực và ảo “Rừng Cười ơi! Đã no nê máu và nước mắt...”. “Rừng Cười” là biểu tượng hiện thực chiến tranh đa chiều, hiện thực đa phức của cõi lòng. Co hẹp, nói giãn, ảo hóa - đó là cách nhà văn biến không gian thiên nhiên thành biểu tượng cho đời sống, tâm lý con người. Day dứt, đau đớn, hiện thực đến trần trụi, tác phẩm đã cho người đọc thấy được những cái nhìn đầy đủ về chiến tranh như nhà văn Bảo Ninh đã từng viết “Chiến tranh là cõi không nhà, không cửa, lang thang, khôn khổ và phiêu bạt vĩ đại, là cõi không đàn ông, không đàn bà, là thế giới thăm sâu vô cảm và tuyệt tự khủng khiếp nhất của dòng giống con người” (*Nỗi buồn chiến tranh*).

2.3.2. Không gian những giấc mơ - nỗi ám ảnh chiến tranh trong thời hậu chiến

Không chỉ chiếm lĩnh không gian hiện thực, truyện ngắn Võ Thị Hảo có xu thế hướng nội “lấn sân” sang thế giới đời tư, mở cuộc thăm dò không gian tâm trạng của nhân vật. Cùng với đó, sự pha trộn yếu tố ảo giác đã nhuộm thêm màu sắc tươi mới cho không gian trần thuật. Một thế giới song song với thế giới hiện thực chiến tranh mà nhà văn đã vận dụng hết bút lực miêu tả là bức tranh cuộc sống con người thời hậu chiến. Không gian ấy được mô tả thông qua những giấc

mơ, mộng mị đầy ám ảnh, đau đớn tuyệt vọng về quá khứ đan xen những khát vọng yêu, sống thâm lặng nhưng mãnh liệt của con người. Thảo đã từng trải qua nỗi cô đơn đặc quánh của chiến tranh ở rừng để khi trở về sống trong cảnh hòa bình, tưởng rằng sẽ được sống hạnh phúc. Thế nhưng, cô đã bước vào đời sống ấy một cách chệch choạng, xiêu vẹo, không thể hòa nhập, không còn khả năng yêu và được yêu để rồi đau đớn nhận ra, mình bước qua nỗi cô đơn của “Rừng Cười” thì lại phải đối diện với nỗi cô đơn trong cuộc sống đời thường, với chính mình. Thảo thấy mình lạc loài, chẳng còn ở trong một “kênh” với mọi người như thể không phải là sống mà chỉ mắc kẹt lại trên cõi đời này. Chẳng còn gì để bám víu lấy đời sống hiện tại “Mình thật là quỷnh, thật là khó nhập cuộc” [2]. Nhìn những cô sinh viên đang nằm ngủ cùng phòng, cô biết họ không mơ những giấc mơ như của đồng đội cô khi còn sống. Với họ, giấc mơ bình yên, êm ả; còn với Thảo là những cơn mộng mị chập chờn. Ngay cả khi ở bên cạnh người yêu - chàng “hoàng tử” đã gắn bó với cô từ những năm tháng chiến trường, cô cũng vẫn cảm thấy mình thật cô đơn, trợ trọi. Họ cũng hẹn hò, đưa nhau đi chơi mỗi tối thứ bảy trên con đường trồng ngập phi lao ngập đầy ánh trăng nhưng ít có chuyện để nói với nhau. Họ thường im lặng đêm bước, nghe rõ cả tiếng của những con chim ăn đêm về tổ muện hót hoảng vầy đôi cánh nhỏ. Thứ bảy nào Thành cũng chờ Thảo ở hành lang để đưa Thảo đi chơi và về đúng chín giờ. Nhưng mỗi lần gặp nhau, cả hai đều ngượng ngập, như cảm thấy có lỗi, như không còn chuyện gì để nói. Mỗi thứ bảy, Thảo lại vừa mong vừa sợ. Cô không còn thấy lại ánh mắt long lanh vụt sáng mỗi lần Thành gặp cô như ngày xưa. Ở hai người đã bắt đầu xuất hiện sự nhàm chán với những buổi tối thứ bảy vô vị đều đều như cái máy. Thảo cứ đè nén nỗi đau, chịu đựng sự cô

đơn, để rồi bị kịch được đẩy lên cao khi tác giả cho người thứ ba xuất hiện - một cô gái “có đôi mắt mòng mòng như nũng nịu, với làn da trắng hồng, tươi mát trẻ trung, nhìn Thành bằng ánh mắt say mê ngưỡng mộ” [2]. Và Thảo tự lựa chọn quyết định rời xa Thành. Cô chấp nhận sống lẻ loi, tro troi và hy sinh cho hạnh phúc của người khác để giữ được sự tôn nghiêm của mình.

Sau chiến tranh, Thảo chỉ sống trong những cơn mộng mị. Để nhấn mạnh bi kịch của người phụ nữ thời hậu chiến, nhà văn đã sử dụng không gian mờ ảo của giấc mơ để nhân vật tự thể hiện mình, bộc lộ những ẩn ức, dự cảm, tuyệt vọng và cả khát vọng. Dòng suy tư, những giấc mơ đứt nối, những hồi tưởng gấp gáp, thật hỗn loạn nhưng dường như nó lại thống nhất trong cô. Thảo vừa khát vọng một cuộc sống êm đềm, hạnh phúc và được yêu nhưng cũng tuyệt vọng khi nhận ra mình đã trở nên lạc loài với mọi người, kể cả Thành. Thảo biết mình vẫn chỉ sống trong những ám ảnh nơi “Rừng Cười” với những người đồng đội cũ. Cô thường qua đêm với hai loại giấc mơ, “một loại giấc mơ thời thơ bé, cô thấy may mắn nhất là nhất được cặp ba lá, khá nữa là nhất được trứng vịt đẻ rơi”. Đó là giấc mơ ký ức tuổi thơ êm đềm, đẹp đẽ nhất. Còn những ám ảnh bởi chết chóc, quá khứ, chiến tranh, những vết thương để lại trên thân thể xuất hiện “trong giấc mơ tuổi thanh xuân”. Thảo “chỉ thấy tóc rụng như trút, rụng đầy khuôn ngực đã bị đâm nát của chị Thắm, và từ trong đám tóc rơi ấy lấy ra hai giọt nước mắt trong veo và rần rần như thủy tinh, đập mãi không vỡ” [2]. Những dấu ấn đẹp và trong sáng của tuổi ấu thơ và những đau thương, khổ hạnh tuổi thanh xuân đã ám ảnh trong đời sống vô thức để rồi thúc đẩy thành hành động dữ dội “Cô hét lên và tỉnh dậy, nắm chặt lấy hai thành giường lạnh buốt” [2]. Án ức của Thảo đã lên đến đỉnh điểm. Ám ảnh chiến tranh,

quá khứ trong “Rừng Cười” khiến cô không thể hòa nhập với đời sống hiện tại. Cô may mắn sống sót được trở về, gặp lại người mình yêu nhưng đó lại là chuỗi ngày đau thương còn kinh khủng hơn cả khi sống trong rừng. Thoát ra khỏi những cơn mộng mị, Thảo trở về thực tại để nhận ra “muội một cô gái đang nằm ngủ... Trông họ đáng yêu làm sao. Giấc mơ của họ khác xa với giấc mơ của đồng đội cô hồi còn sống”. Từ chỗ khó nhập cuộc với bạn bè cùng giới, Thảo chạy trốn luôn khỏi tình yêu và hạnh phúc của đời mình. Cô làm mọi cách để xa Thành, ngay cả việc bịa ra một người tình phương xa với những lá thư tự viết, tự gửi cho mình và chưa bao giờ được mở. Cô bị coi như một “ồ dịch”, một “người điên” bị xa lánh, bị kết án đạo đức vì đã phụ bạc một chàng trai chung thủy. Thảo đau đớn, tự hành xác trong cả những giấc mơ của chính mình và những lời dè bĩu của người đời. Thế giới giấc mơ của Thảo đầy đau đớn. Bởi muốn yêu mà biết mình không được yêu; vừa tuyệt vọng mà vẫn hi vọng; cố trốn chạy quá khứ mà không thể hòa nhập hiện tại; vừa muốn sống đạo đức, thủy chung nhưng lại phải giả là kẻ phụ tình; bị tổn thương từ chối Thành mà vẫn ngậm khát khao anh. Võ Thị Hảo đã có cái nhìn nhân bản, mới mẻ khi viết về đời sống bản năng của người phụ nữ qua những giấc mơ. Xưa kia, khi ở “Rừng Cười”, có lẽ Thảo cũng có những giấc mơ cháy lòng được ôm Thành vào lòng, khát khao hạnh phúc đời thường của người phụ nữ. Đến khi Thành lấy vợ, trong đêm tân hôn của anh, cô lại tưởng tượng những “mê đắm” của Thành cùng người vợ của anh. Những giấc mơ của Thảo không hiện lên gì khác ngoài những sự ám ảnh nhục dục “Đúng đưa trước mắt cô một quả cà chua chín đỏ lịm hình trái tim chập chờn, chập chờn. Thảo đưa tay bắt, hình như nước cà chua vỡ ra, chạy dọc theo cánh tay, vào tận ngực. Thứ nước đỏ nhờn nhợt như máu loãng...” [2]. Trong khoảnh khắc ấy,

Thảo gần như rơi vào trạng thái vô thức và bật lên tiếng cười khanh khách, những phong thư cô tự gửi cho mình vung vãi khắp nhà. Biết bao ảm ức, khát khao tình yêu hạnh phúc, đau đớn tuyệt vọng đã làm Thảo như phát điên, vừa khóc vừa cười. Nỗi đau trong vô thức bị kìm nén bấy lâu trở thành tiếng cười ám ảnh mà Thảo đã từng chứng kiến ở “Rừng Cười”. Nhiều người nhận xét trong sáng tác của Võ Thị Hảo đậm đặc “tính nữ quyền”. Bản thân là một nhà văn nữ, sự khúc xạ giới tính lên sáng tác của Võ Thị Hảo là rất rõ. Không quyết liệt và táo bạo như một số cây bút nữ cùng thời, cũng không quá khát khe, chị ủng hộ việc sử dụng các yếu tố sex thông qua giấc mơ của nhân vật nhưng như một phương tiện nghệ thuật và đòi hỏi nhà văn phải thực sự có tay nghề và bản lĩnh. Bởi theo chị đó là điều cần thiết để một tác phẩm nghệ thuật tránh rơi vào dung tục, tầm thường.

Kết thúc truyện, giây phút Thành được hạnh phúc, mình Thảo quyết định xuôi tàu phiêu bạt và tan biến khỏi cuộc đời Thành để giữ được lòng trinh bạch, sự tôn nghiêm, để dù thế nào cũng không để cho người đàn ông thương hại mình. Trong suy nghĩ của Thành, có lẽ Thảo đã quay về với “Rừng Cười”, nơi những chị em đồng đội cô đã nằm lại, và đó mới là nơi chờ đợi Thảo. Rừng Cười - biểu tượng của chiến tranh, cuối cùng vẫn là cái thế giới mà Thảo không ra khỏi được dù chiến tranh đã kết thúc. Với Thành, cuộc đời của Thảo có thể so sánh với “huyền thoại về yến huyết ngoài biển khơi đã nhả từng hạt máu để dệt nên chiếc tổ màu hồng quý giá. Rồi khi sức tàn lực kiệt, chim yến bay vút lên không trung, lao mình vào vách đá nhọn hoắt cho ngực vỡ nát”. Thảo như loài chim yến - đã yêu, đã sống hết mình; hi sinh bản thân, để rồi nhận biết bao đau đớn. Nỗi đau ấy của Thảo được giải mã qua không gian của những giấc mơ. Nhưng phải chăng, những giấc mơ ấy cũng là hiện thân khác của không gian

“Rừng Cười” - một nỗi đau nỗi dài của con người sau khi bước ra khỏi chiến tranh. Thành chua xót “Rừng Cười ơi! Đã no nê máu và nước mắt, lẽ nào người cướp nốt của ta con chim yến nhỏ nhoi!” [2]. Câu hỏi của Thành cũng chính là câu hỏi nhà văn đánh động lương tri, thể hiện niềm mong mỏi về một cuộc sống tốt đẹp và hạnh phúc.

3. Kết luận

Không cần những sự kiện to tát, những chiến công vang dội được lý tưởng hóa; chỉ cần xây dựng một không gian nghệ thuật đậm máu, nước mắt, tiếng cười man dại, méo mó trong một khu “Rừng Cười”; lẫn vào đó là những giấc mơ, mộng mị; Võ Thị Hảo đã tô đậm nỗi đau cả về thể xác và tinh thần của con người - đặc biệt người phụ nữ trong chiến tranh. Thiên tính nữ, những ảm ức, khát khao bản năng mang tính nhục dục được nhà văn thể hiện bằng cảm thức nhân bản nhất. Số phận con người khi đối diện chiến tranh là một đề tài quen thuộc trong văn học nhưng qua sáng tác của Võ Thị Hảo người đọc vẫn tìm thấy nhiều điều mới mẻ. Cái mới ở đây không chỉ xuất phát từ những tư duy và quan niệm sáng tác mà còn bởi tấm lòng biết nhìn thẳng vào nỗi đau để sẻ chia đồng cảm với những bi kịch, những mất mát của con người.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi, *Từ điển Thuật ngữ Văn học*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1992.
- [2] Võ Thị Hảo, *Người Sót lại của Rừng Cười* (Tập truyện ngắn), Nxb. Phụ Nữ, Hà Nội, 2005.
- [3] Nguyễn Thái Hòa, *Những vấn đề thi pháp của truyện*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2000.
- [4] Đoàn Cẩm Thi, *Chiến tranh, tình yêu, tình dục trong văn học Việt Nam đương đại*, nguồn: <https://vnexpress.net/giai-tri/chien-tranh-tinh-yeu-tinh-duc-trong-van-hoc-vn-duong-dai-1-2-2140871.html>, ngày 29.3.2005. [Lập]
- [5] Bùi Thị Thủy, *Dấu hiệu nữ quyền trong văn nữ Việt Nam đương đại*, Hội Nhà văn Việt Nam, nguồn: phienbancu.vanvn.net, ngày 20.4.2008.